

Số: 19 /CNVL

“ Báo cáo thường niên năm 2020 ”

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Trụ sở chính: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583

Fax: 0270.3829432

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Tấn Chiến

Địa chỉ: Số 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0916804444 – 0270 3822583

Fax: 0270.3829432

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.capnuocvl.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu;

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 33./BC-CNVL

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 289.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Mã cổ phiếu: VLW
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long được thành lập năm 1936 với tên gọi ban đầu là nhà máy nước Hưng Đạo Vương công suất 1.200 m³/ngày đêm. Nhà máy được thành lập nhằm mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân tại Thị xã Vĩnh Long.

Năm 1957 nhà máy được cải tạo, mở rộng nâng công suất lên 2.400 m³/ngày đêm.

Năm 1960 nhà máy tiếp tục xây dựng thêm, nâng công suất lên 4.800 m³/ngày đêm.

Sau năm 1975, Công ty Cấp nước Cửu Long được hình thành trên cơ sở tiếp quản các hệ thống cấp nước của Ty Cấp thủy Vĩnh Long để lại bao gồm: HTCN Thị xã Vĩnh Long có 02 nhà máy nước gồm nhà máy nước Hưng Đạo Vương, nhà máy nước Cầu Vòng và các hệ thống cấp nước tập trung tại các huyện Vũng Liêm, Trà Ôn và Bình Minh. Tổng quy mô công suất của toàn hệ thống là 6.500 m³/ngày đêm.

Ngày 04/07/1992, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 216/QĐ-UBT thành lập Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long, trong đó bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh là kinh doanh phát triển nhà ở, vỉa hè, công viên cây xanh và thoát nước.

Ngày 12/06/1995, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 773/QĐ-UBT về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long thành Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long với chức năng, nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh nước sạch; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

Ngày 19/02/2008, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 295/QĐ-UBT về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai; tư vấn xây dựng: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, ngày 13/03/2015, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 378/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2014 – 2015.

Ngày 26/02/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 401/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.

Ngày 12/05/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 1058/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa.

Ngày 31/05/2016 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chính thức đi vào hoạt động với hình thức Công ty cổ phần.

Ngày 29/09/2016 Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước công nhận là Công ty Đại chúng.

Ngày 23/12/2016 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 3090/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính đã kiểm toán và nộp phần chênh lệch vốn nhà nước về Quỹ quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Ngày 20/01/2017 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 29/2017/GCNCP-VSD, số lượng cổ phiếu đăng ký là 28.900.000 cổ phiếu.

Ngày 10/07/2017 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 518/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long; ngày 17/07/2017 Cổ phiếu VLW của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 17/01/2018 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Ngày 21/05/2019 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 1177/QĐ-UBND phê duyệt chi phí thoái vốn và giá trị cổ phần bán được sau khi trừ chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn tại công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

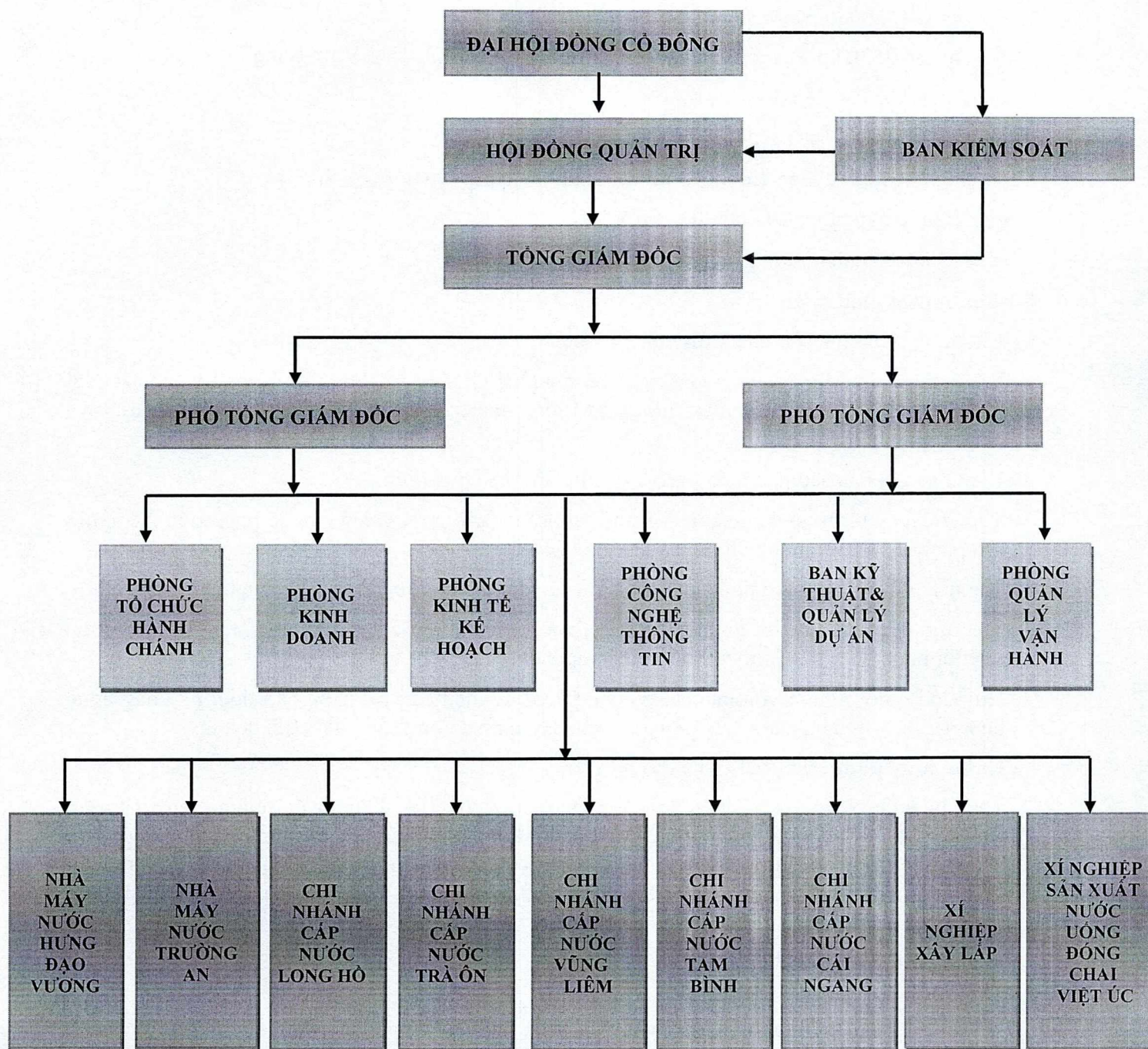
Địa bàn kinh doanh: Thành phố Vĩnh Long, Huyện Long Hồ, Huyện Vũng Liêm, Huyện Tam Bình, Huyện Trà Ôn và khu Công nghiệp Hòa Phú.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty liên kết:

- ♦ *Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long*

Địa chỉ: Số 93 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822074

Giấy CN ĐKDN: 1500590493 - ngày cấp: 04/05/2009; thay đổi lần 1 ngày 31/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 9.000.000.000 đồng

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 20% Vốn điều lệ

- ♦ *Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân*

Địa chỉ: Số 3530 ấp Thành Phú, Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3753 368

Giấy CN ĐKDN: 1501012456 - ngày cấp: 22/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 VND

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 25% Vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

Đảm bảo giá bán sản phẩm đã tính đúng, tính đủ theo quy định.

Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tập trung mở rộng vùng phục vụ, tìm kiếm các đối tác mới nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

Tiếp tục thực hiện đề án giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Đầu tư trang bị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hoá.

Huy động mọi nguồn vốn của các tổ chức để thực hiện đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Thực hiện Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về “Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050” và nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long, Công ty đang thực hiện “Đề án quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, cụ thể theo từng giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn đến năm 2025*

Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

Ứng phó có hiệu quả tình hình xâm nhập mặn ngày càng trầm trọng.

● *Tầm nhìn đến năm 2030-2050.*

Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

Tích cực góp phần đảm bảo an ninh nước sạch.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty).

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước và thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của Công ty cũng như sự phát triển của ngành, của khu vực.

Do nước sạch được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển đầu tư của Chính phủ. Tuy nhiên do biến động bất thường của tình hình kinh tế thế giới và tình hình kinh tế trong nước trong thời gian qua như biến động giá xăng dầu, giá điện, giá nguyên vật liệu đầu vào và tình hình tài chính tiền tệ đã ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

5.2 Rủi ro về giá

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND tỉnh quy định, Công ty không được chủ động điều chỉnh một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào làm tăng giá thành sản phẩm công ty phải lập phương án trình các cơ quan chức năng thẩm định và lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động của việc điều chỉnh giá nước, do đó giá bán nước sạch sẽ không được điều chỉnh kịp thời.

Vì vậy Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối thì nguy cơ tăng chi phí, giảm lợi nhuận là rất lớn.

5.3 Rủi ro nguyên liệu sản xuất đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt khai thác trực tiếp từ sông tiền và sông hậu nhưng do địa phận tỉnh Vĩnh Long nằm ở hạ nguồn sông Mekong nên hàng năm chịu sự biến đổi khí hậu làm nguồn nguyên liệu nước thô bị nhiễm mặn và tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng do sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn nước sạch cho sản xuất.

5.4 Rủi ro tỷ lệ thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, kênh, rạch ...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các tỉnh trong cùng khu vực và cả nước, tỷ lệ thất thoát nước tại Vĩnh Long luôn nằm trong nhóm có tỷ lệ thất thoát trung bình. Nguyên nhân là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, mạng lưới đường ống phân phối trải rộng khi bị rò rỉ khó phát hiện. Một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định khi sử dụng nước còn gian lận dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát.

5.5 Rủi ro luật pháp

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện hữu và đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, những thay đổi về luật pháp phần nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và công tác quản trị.

5.6 Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, tình hình xâm nhập mặn kéo dài; dịch bệnh Covid 19... làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định, an toàn trong sản xuất và nhu cầu của khách hàng. Các rủi ro này đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại, giữ an toàn về người, tài sản và hoạt động cho Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH20/KH20	Tỷ lệ % TH20/TH19
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m3	16.265.651	16.680.000	17.182.407	103,01%	105,64%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	171.601	175.653	184.284	104,91%	107,39%
	<i>Trong đó doanh thu nước sạch</i>	Triệu/đ	144.875	153.126	157.794	103,05%	108,92%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	54.559	56.613	63.922	112,91%	117,16%
	<i>Trong đó lợi nhuận nước sạch</i>	Triệu/đ	42.767	45.556	48.266	105,95%	112,86%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	52.364	54.402	62.025	114,01%	118,45%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	15.392	15.593	16.592	106,41%	107,80%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	18,12%	18,82%	21,46%	114,01%	118,45%
7	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	289.000	100,00%	100,00%

1.1 Sản lượng nước cung cấp:

Nhiệm vụ cung cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn đô thị tỉnh là nhiệm vụ chính hàng đầu của Công ty.

Sản lượng nước cung cấp năm 2020 đạt 17.182.407 m3, bằng 103,01% so với kế hoạch năm 2020 và đạt 105,64% so với thực hiện năm 2019.

1.2 Doanh thu tiền nước:

Doanh thu tiền nước được ghi nhận hàng tháng theo đúng pháp luật hiện hành; Giá bán sản phẩm nước sạch được áp dụng cho từng đối tượng sử dụng nước phù hợp với quyết định của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ triển khai thu tiền nước không dùng tiền mặt theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị. Nhờ vào các biện pháp quản lý chặt chẽ doanh thu tiền nước, tăng cường thu thêm ngày thứ 7 trong những đợt cao điểm, với nỗ lực rất lớn của lãnh đạo và tập thể người lao động của công ty mà công tác thu tiền luôn đạt hiệu quả, tỷ lệ thực thu luôn đạt ở mức cao.

1.3 Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh nhận thấy đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đúng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch bình quân trong vùng phục vụ đạt 99,5% với mức nước bình quân thực tế 105 lít/người/ngày.

1.4 Tỷ lệ thất thoát nước:

Công tác giám sát, quản lý chặt chẽ hệ thống mạng lưới cấp nước cũng được chú trọng quan tâm nhiều hơn, tình trạng xì bể trên mạng lưới được khắc phục kịp thời, nhanh chóng. Những trường hợp xì bể lớn do các công trình hạ tầng thi công ồ ạt kéo dài trên địa bàn tỉnh đều được Công ty xử lý kịp thời, tăng cường nhiều biện pháp quản lý chặt chẽ chỉ số đồng hồ nước tại hộ khách hàng giúp giảm thiểu lượng nước thất thoát thất thu. Vì vậy tỷ lệ thất thoát nước năm 2020 công ty đã kéo giảm còn 20% đạt mục tiêu chương trình quốc gia về chống thất thoát nước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)

Ông Nguyễn Tấn Phát

Chức vụ:	TV HĐQT – Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	03/03/1963
Số CMND:	330696195
Cấp ngày: 03/08/2010	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Long An - Huyện Cần Giuộc - Tỉnh Long An
Địa chỉ thường trú:	43/24/6 Khóm 2, Phường 3, Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Đô Thị

Số cổ phần nắm giữ, đại diện	3.005.200 tương ứng 10,4% VDL
+ Cá nhân sở hữu	57.400 CP tương ứng 0,2% VDL
+ Đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long sở hữu	2.947.800 CP tương ứng 10,2% VDL

Ông Trần Văn Bản

(Nghỉ hưu từ ngày 01/09/2020)

Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	18/08/1960
Số CMND:	331170067
Cấp ngày: 14/04/2014	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Tân Long Hội, Huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:	57/22/2 Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư đô thị
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	56.100 tương ứng 0,194% VDL
+ Cá nhân sở hữu	56.100 tương ứng 0,194% VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có

Ông Nguyễn Quốc Đạt

Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	1970
Số CMND:	331715252
Cấp ngày: 24/02/2011	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Hậu Lộc Huyện Tam Bình Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:	94/9 Đường Lê Thái Tổ, P2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Đô Thị
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	7.700 tương ứng 0,027 % VDL
+ Cá nhân sở hữu	7.700 tương ứng 0,027 % VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có

Bà Bùi Thiện Ngọc Minh

Chức vụ: TV HĐQT - Kế toán trưởng
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 30/01/1977
Số CMND: 331141835
Cấp ngày: 31/03/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán: Ấp 1 - Xã Tân Quới Trung - Huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú: Ấp 1 - Xã Tân Quới Trung - Huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
Số cổ phần nắm giữ, đại diện 16.400 tương ứng 0,057% VDL
+ Cá nhân sở hữu 16.400 tương ứng 0,057% VDL
+ Đại diện sở hữu Không có

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Trần Văn Bản, Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu từ ngày 01/09/2020. Hội đồng quản trị chưa bổ sung Phó Tổng giám đốc mới, nên tại ngày 31/12/2020 Ban điều hành gồm:

Ông Nguyễn Tấn Phát- Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạt – Phó Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thiện Ngọc Minh – Kế toán trưởng

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	239	100%
1	Đại học và trên Đại học	99	41,42%
2	Cao Đẳng, Trung cấp	74	30,96%
3	Được đào tạo nghề	65	27,20%
4	Chưa qua đào tạo	1	0,42%
II	Theo giới tính	239	100%
1	Nam	200	83,68%
2	Nữ	39	16,32%

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

a) Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của công ty, Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của công ty.

b) Chính sách đào tạo

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong thực tiễn công tác.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phần đầu góp phần vào sự phát triển của công ty. Là doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối, do đó chính sách tiền lương, tiền thưởng công ty thực hiện theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTB-XH ngày 01/09/2016. Để tạo động lực thúc đẩy người lao động thi đua lao động sản xuất, sáng kiến cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương, thưởng quy định thêm chính sách khen thưởng như: Thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác; thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ.

Ngoài ra, Công ty còn vận động, tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể công nhân viên lao động. Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động một cách đúng mức, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như: các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ,... Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống, sinh nhật tập thể và các chuyến đi nghỉ mát nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thời gian thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo nên sự gắn kết trong nội bộ công ty.

d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.

Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động. Ngoài ra các chính sách khác có lợi cho người lao động công ty cũng rất quan tâm như mua bảo hiểm con người, bảo hiểm nhân thọ 100% cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể người lao động trong Công ty mỗi năm một lần.

e) Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên.

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội qui Công ty, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

f) *Chính sách cổ tức*

Hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2020: Hội đồng quản trị dự kiến mức chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 10%/ Vốn điều lệ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

3.1 Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản:

Nội dung đầu tư	ĐVT	Thực hiện	
		Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)
1. Mạng ống tải và phân phối D100-200	Mét	8.923	31.698
+ Lắp đặt mới	“	8.923	31.698
Tuyến ống chuyển tải DN200÷DN300 Trà Ôn		1.814	3.675
Tuyến ống chuyển tải DN200÷DN300 V.Liêm		3.238	7.919
Tuyến ống cấp nước OD450 KCN Hòa Phú		3.871	20.104
+ Thay thế	“		
2. Mạng ống dịch vụ D40- 90	Mét	50.575	16.195
+ Lắp đặt mới	“	47.256	13.836
+ Thay thế	“	3.319	2.359
3. Đầu nối khách hàng	Hộ	2.981	5.766
+ Lắp đặt mới	“	2.981	5.766
4. Sửa chữa thay thế		17.561	9.443
+ Thay thế, chỉnh trang (DTĐN)	Hộ	3.184	4.129
+ Thay thế đồng hồ định kỳ	Chiếc	14.377	5.314
5. Công trình khác		-	20.999
Tổng số: (1+2+3+4+5)			84.101

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty liên kết: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long

- Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	18.148.594.515	89,08%	19.860.666.791	93,40%	1.712.072.276	9,43%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.667.890.236	8,19%	3.502.779.566	16,47%	1.834.889.330	110,01%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.950.000.000	73,38%	15.450.000.000	72,66%	500.000.000	3,34%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.358.771.793	6,67%	664.736.226	3,13%	(694.035.567)	-51,08%
IV	Hàng tồn kho	171.932.486	0,84%	243.150.999	1,14%	71.218.513	41,42%
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.224.346.102	10,92%	1.403.429.881	6,60%	(820.916.221)	-36,91%
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	2.193.990.101	10,77%	1.310.762.988	6,16%	(883.227.113)	-40,26%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	30.356.001	0,15%	92.666.893	0,44%	62.310.892	205,27%
	TỔNG TÀI SẢN	20.372.940.617	100,00%	21.264.096.672	100,00%	891.156.055	4,37%

- Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	Nợ phải trả	971.641.753	4,77%	1.326.786.955	6,24%	355.145.202	36,55%
B	Vốn chủ sở hữu	19.401.298.864	95,23%	19.937.309.717	93,76%	536.010.853	2,76%
	TỔNG NGUỒN VỐN	20.372.940.617	100,00%	21.264.096.672	100,00%	891.156.055	4,37%

- Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2019	NĂM 2020	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	7.476.953.400	7.453.399.200	(23.554.200)	-0,32%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.718.987.676	3.681.199.731	(37.787.945)	-1,02%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.407.795.783	3.479.581.562	71.785.779	2,11%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,56%	17,45%	-0,11%	-0,64%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	16,73%	16,36%	-0,36%	-2,17%

b) Công ty liên kết: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình tân

- Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.654.655.708	29,39%	24.005.741.378	39,43%	7.351.085.670	44,14%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.549.408.521	4,50%	5.912.472.610	9,71%	3.363.064.089	131,92%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.100.000.000	16,06%	9.170.000.000	15,06%	70.000.000	0,77%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.763.605.298	4,88%	2.825.406.603	4,64%	61.801.305	2,24%
IV	Hàng tồn kho	2.241.641.889	3,96%	6.097.862.165	10,02%	3.856.220.276	172,03%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	40.015.652.410	70,61%	36.872.023.099	60,57%	(3.143.629.311)	-7,86%
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	36.994.239.206	65,28%	33.864.508.811	55,63%	(3.129.730.395)	-8,46%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	445.208.952	0,79%	716.660.905	1,18%	271.451.953	60,97%
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	2.576.204.252	4,55%	2.290.853.383	3,76%	(285.350.869)	-11,08%
	TỔNG TÀI SẢN	56.670.308.118	100,00%	60.877.764.477	100,00%	4.207.456.359	7,42%

- Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	NỢ PHẢI TRẢ	24.931.523.858	43,99%	27.800.366.111	45,67%	2.868.842.253	11,51%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	31.738.784.260	56,01%	33.077.398.366	54,33%	1.338.614.106	4,22%
	TỔNG NGUỒN VỐN	56.670.308.118	100,00%	60.877.764.477	100,00%	4.207.456.359	7,42%

- Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2019	NĂM 2020	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	23.866.975.113	26.211.853.506	2.344.878.393	9,82%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.507.677.370	8.294.953.284	787.275.914	10,49%
3	Lợi nhuận sau thuế	6.969.851.677	7.890.982.910	921.131.233	13,22%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,96%	23,86%	1,90%	8,63%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,30%	12,96%	0,66%	5,39%

c) Đầu tư dài hạn: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Mang Thít

- Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.473.058.111	41,37%	1.619.695.240	7,62%	146.637.129	9,95%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	427.177.864	12,00%	130.794.141	0,62%	(296.383.723)	-69,38%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	610.000.000	17,13%	1.000.000.000	4,70%	390.000.000	63,93%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	294.481.089	8,27%	255.867.797	1,20%	(38.613.292)	-13,11%
IV	Hàng tồn kho	122.827.096	3,45%	173.700.139	0,82%	50.873.043	41,42%
V	Tài sản ngắn hạn khác	18.572.062	0,52%	59.333.163	0,28%	40.761.101	219,48%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.087.446.976	58,63%	1.999.570.919	9,40%	(87.876.057)	-4,21%
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	2.087.446.976	58,63%	1.999.570.919	9,40%	(87.876.057)	-4,21%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
	TỔNG TÀI SẢN	3.560.505.087	100,00%	3.619.266.159	17,02%	58.761.072	1,65%

- Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	NỢ PHẢI TRẢ	1.560.505.087	43,83%	1.619.266.159	44,74%	58.761.072	3,77%
I	Nợ ngắn hạn	562.165.087	15,79%	620.926.159	17,16%	58.761.072	10,45%
II	Nợ dài hạn	998.340.000	28,04%	998.340.000	27,58%	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.000.000.000	56,17%	2.000.000.000	55,26%	-	-
I	Vốn chủ sở hữu	2.000.000.000	56,17%	2.000.000.000	55,26%	-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	3.560.505.087	100,00%	3.619.266.159	100,00%	58.761.072	1,65%

- Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2019	NĂM 2020	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	2.860.818.324	2.792.095.359	(68.722.965)	-2,40%
2	Lợi nhuận trước thuế	819.282.929	669.041.197	(150.241.732)	-18,34%
3	Lợi nhuận sau thuế	655.426.343	575.375.430	(80.050.913)	-12,21%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	32,77%	28,77%	-4,00%	-12,21%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18,41%	15,90%	-2,51%	-13,64%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	455.605	490.976	107,76%
2	Doanh thu thuần	160.093	168.301	105,13%
3	Giá vốn hàng bán	61.935	60.187	97,18%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	10.527	13.336	126,67%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	54.448	62.383	114,57%
6	Lợi nhuận khác	112	1.539	1379,91%
7	Lợi nhuận trước thuế	54.559	63.922	117,16%
8	Lợi nhuận sau thuế	52.364	62.025	118,45%
9	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	8,00%	10,00%	125,00%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	4,38	3,69
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	4,05	3,37
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	24,19	23,30
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	%	31,91	30,38
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,00	4,32
Doanh thu thuần / Tổng Tài sản	Lần	0,35	0,34
4. Khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	32,71	36,85
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,19	16,50
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,49	12,63
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	34,01	37,07

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 28.900.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.948.200 cổ phần.

Trong đó:

- Cổ đông chiến lược: 1.445.000 cổ phần. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 5 năm. Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Công văn cam kết của cổ đông chiến lược.
- Người lao động cam kết làm việc lâu dài: 503.200 cổ phần. Thời gian hạn chế chuyển nhượng được căn cứ vào Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Đơn đăng ký mua cổ phần của người lao động theo thời gian cam kết làm việc khi công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
I	Cổ đông lớn/nhỏ	283	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông lớn (từ 5%)	3	25.909.962	89,65%
2	Cổ đông nhỏ (dưới 5%)	280	2.990.038	10,35%
II	Cổ đông tổ chức/cá nhân	283	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông tổ chức	3	25.909.962	89,65%
2	Cổ đông cá nhân	280	2.990.038	10,35%
III	Cổ đông trong nước/nước ngoài	283	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	283	28.900.000	100,00%
2	Cổ đông nước ngoài	0	-	0,00%
IV	Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác	283	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	1	14.739.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	11.170.962	38,65%
3	Cổ đông cá nhân	280	2.990.038	10,35%
4	Cổ đông nước ngoài	0	-	0,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh chính của công ty là nước sạch chiếm tỷ lệ 93,76% doanh thu nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chủ yếu là nguồn nước mặt sông tiền và sông hậu. Chất lượng nước sau xử lý luôn tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.063.206 kw

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước cung cấp được sản xuất từ các Nhà máy nước của công ty và mua nước sạch qua đồng hồ tổng từ Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Cửu Long, thông qua hệ thống mạng cấp nước của công ty để phân phối cho khách hàng thuộc địa bàn được giao quản lý.

Lượng nước sử dụng: Năm 2020, Công ty đã phân phối 17.182.407 m³ cho khách hàng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động: 239 người

Mức lương trung bình: 8,51 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Đảm bảo thời gian làm việc của người lao động theo quy định của Luật Lao động.

Toàn thể người lao động đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định để người lao động yên tâm, gắn bó với công ty. 100% người lao động được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm con người và khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc đầy đủ cho người lao động.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe để cống hiến, phục vụ công tác tốt hơn như: Cầu lông, teniss, bóng chuyền, bóng đá...

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2020, Công ty đã tổ chức cho 194 lượt người lao động tham gia nâng cao tay nghề; và tham gia các lớp Giám đốc sản xuất và tập huấn chuyên đề về đầu tư xây dựng, về công tác kế toán tài chính; nghiệp vụ đấu thầu; lao động tiền lương, an toàn vệ sinh lao động...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nhu cầu sử dụng nước sạch là nhu cầu thiết yếu, do đó để tạo điều kiện cho các hộ dân được cấp nước sạch, góp phần phục vụ an sinh xã hội, Công ty đã sử dụng nguồn vốn của công ty để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và gắn đồng hồ nước cho khách hàng theo nghị định 117/2007/NĐ-CP. Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội. Năm 2020 Công ty đã thực hiện các công tác sau:

Xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, nhà đại đoàn kết, thăm hỏi và tặng quà cho gia đình chính sách, đóng góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, ủng hộ chính quyền địa phương thực hiện chăm lo đời sống cho các hộ dân gặp khó khăn và các chính sách an sinh xã hội.

Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và hạn mặn kéo dài để giảm bớt khó khăn cho người dân nhất là các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh công ty đã thực hiện chính sách giảm giá nước sạch, hỗ trợ nước sạch cho đồng bào vùng bị ngập mặn với số tiền 1.411 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ %
1	Doanh thu		175.653	184.284	104,91%
1.1	Nước sạch	Triệu/đ	153.126	157.794	103,05%
1.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	5.208	5.354	102,81%
1.3	Xây lắp	Triệu/đ	6.060	4.965	81,93%
1.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	307	187	61,07%
1.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	10.000	13.336	133,36%
1.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	952	2.648	278,12%
2	Lợi nhuận		56.613	63.922	112,91%
2.1	Nước sạch	Triệu/đ	45.556	48.266	105,95%
2.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	205	307	149,91%
2.3	Xây lắp	Triệu/đ	826	591	71,54%
2.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	18	13	69,87%
2.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	9.865	13.206	133,87%
2.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	143	1.539	1076,46%
3	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	15.593	16.592	106,41%

1.2 Phân tích đánh giá tổng quan về hoạt động của công ty:

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội. Công ty không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn thuộc vùng quản lý.

Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; ghi chỉ số đồng hồ nước... có động thái tích cực trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng... Với sự nỗ lực, quyết tâm của lãnh đạo và tập thể người lao động, Công ty đã hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Sản lượng nước tiêu thụ đạt 17.182.407 m³, đạt 103,01% so với kế hoạch

Doanh thu đạt 184.284 triệu đồng, đạt 104,91% so với kế hoạch (*trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch đạt 157.794 triệu đồng, đạt 103,05% so với kế hoạch*)

Lợi nhuận đạt 63.922 triệu đồng, đạt 112,91% so với kế hoạch

Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 99,5% khu vực đô thị của tỉnh

1.3 Những tiến bộ đạt được:

Hoàn thành xuất sắc vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn thành tốt chỉ tiêu 99,5% hộ dân đô thị được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh.

Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống cho người lao động. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	172.359.721.863	37,83%	164.818.225.998	33,57%	(7.541.495.865)	-4,38%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.629.854.131	4,31%	35.868.211.492	7,31%	16.238.357.361	82,72%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	126.405.000.000	27,74%	102.985.000.000	20,98%	(23.420.000.000)	-18,53%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.206.814.311	2,68%	8.848.435.576	1,80%	(3.358.378.735)	-27,51%
IV	Hàng tồn kho	13.318.895.484	2,92%	14.562.226.738	2,97%	1.243.331.254	9,34%
V	Tài sản ngắn hạn khác	799.157.937	0,18%	2.554.352.192	0,52%	1.755.194.255	219,63%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	283.244.976.530	62,17%	326.157.661.938	66,43%	42.912.685.408	15,15%
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	233.280.433.642	51,20%	265.675.314.693	54,11%	32.394.881.051	13,89%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	26.669.547.859	5,85%	21.341.483.412	4,35%	(5.328.064.447)	-19,98%
V	Đầu tư tài chính dài hạn	18.447.754.818	4,05%	34.770.754.818	7,08%	16.323.000.000	88,48%
VI	Tài sản dài hạn khác	4.847.240.211	1,06%	4.370.109.015	0,89%	(477.131.196)	-9,84%
	TỔNG TÀI SẢN	455.604.698.393	100,00%	490.975.887.936	100,00%	35.371.189.543	7,76%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020: 490,98 tỷ đồng, trong đó:

a) *Tài sản ngắn hạn*: 164,82 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 33,57% tổng tài sản, tài sản ngắn hạn năm 2020 thấp hơn tài sản ngắn hạn năm 2019 là 7,54 tỷ đồng (-4,38%) gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 35,87 tỷ đồng, gồm tiền mặt: 63,02 triệu đồng, tiền gửi

ngân hàng: 10,81 tỷ đồng, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng: 25 tỷ đồng. Năm 2020, tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ cao hơn năm 2019 là 16,24 tỷ đồng (+82,72%).

- Đầu tư tài chính ngắn hạn: 102,99 tỷ đồng. Năm 2020, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm hơn năm 2019 là 23,42 tỷ đồng (-18,53%).
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 8,85 tỷ đồng, gồm phải thu khách hàng: 3,71 tỷ đồng (chủ yếu là nợ phải thu tiền nước), trả trước cho người bán: 1,32 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác: 4,39 tỷ đồng (chủ yếu là tiền lãi tiền gửi ngân hàng dự kiến phải thu đến ngày 31/12/2020), dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng đến thời điểm 31/12/2020 là 569 triệu đồng. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm cuối năm, lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Công ty triển khai và mở rộng thu tiền nước qua các kênh thu hộ, ngân hàng, theo lộ trình tiến tới không thu tại nhà, kết quả nợ phải thu khách hàng năm 2020 giảm 3,36 tỷ đồng so với năm 2019.

- Quản lý Hàng tồn kho: 14,56 tỷ đồng, hàng tồn kho năm 2020 cao hơn năm 2019 là 1,24 tỷ đồng (+9,34%). Công tác kiểm kê được Công ty tổ chức thực hiện kiểm kê hàng tồn kho theo quy định.
- Quản lý tài sản ngắn hạn khác: 2,55 tỷ đồng, gồm chi phí trả trước ngắn hạn: 273,8 triệu đồng, thuế GTGT được khấu trừ: 1,83 tỷ đồng, thuế và các khoản phải thu Nhà nước: 447,58 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn khác tăng 1,76 tỷ đồng (+219,63%) so với năm 2019.

b) *Tài sản dài hạn*: 326,16 tỷ đồng, chiếm 66,43% tổng tài sản, tăng 42,91 tỷ đồng (+15,15%) so với năm 2019.

- Quản lý tài sản cố định: 265,66 tỷ đồng, chiếm 54,11% tổng tài sản. Năm 2020, Tài sản cố định tăng khoảng 32,39 tỷ đồng (+13,89%) so với năm 2019, do các công trình xây dựng cơ bản sau khi hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 21,34 tỷ đồng, chủ yếu là các công trình phát triển mạng lưới cấp nước, giảm 5,33 tỷ đồng so với năm 2019.
- Đầu tư tài chính dài hạn: 34,77 tỷ đồng, gồm tiền góp vốn đầu tư thành lập Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long là 1,91 tỷ đồng (20% vốn điều lệ), Công ty cổ phần nước và môi trường Bình Tân 5 tỷ đồng (25% vốn điều lệ), Công ty cổ phần nước và môi trường Mang Thít 300 triệu đồng (15% vốn điều lệ) và các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng 27,56 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn khác: 4,37 tỷ đồng, là khoản chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ dụng cụ, lợi thế kinh doanh chờ phân bổ khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được quản lý và hạch toán theo quy định. Năm 2020, chi phí trả trước dài hạn giảm so với năm 2019 là 477,13 triệu đồng (-9,84%).

Cơ cấu tài sản của Công ty đang có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn.

2.2 Tình hình nợ phải trả

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2019		Năm 2020		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	NỢ PHẢI TRẢ	110.202.320.601	24,19%	114.402.226.009	23,30%	4.199.905.408	3,81%
I	Nợ ngắn hạn	39.308.266.090	8,63%	44.633.283.448	9,09%	5.325.017.358	13,55%
II	Nợ dài hạn	70.894.054.511	15,56%	69.768.942.561	14,21%	(1.125.111.950)	-1,59%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	345.402.377.792	75,81%	376.573.661.927	76,70%	31.171.284.135	9,02%
I	Vốn chủ sở hữu	344.833.739.823	75,69%	375.925.290.958	76,57%	31.091.551.135	9,02%
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	568.637.969	0,12%	648.370.969	0,13%	79.733.000	14,02%
	TỔNG NGUỒN VỐN	455.604.698.393	100,00%	490.975.887.936	100,00%	35.371.189.543	7,76%

Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2020: 114,4 tỷ đồng, chiếm 23,3% tổng nguồn vốn, nợ phải trả năm 2020 cao hơn năm 2019: 4,2 tỷ đồng (+3,81%).

- a) *Nợ phải trả ngắn hạn*: 44,63 tỷ đồng, chiếm 9,09% tổng nguồn vốn, nợ ngắn hạn năm 2020 cao hơn năm 2019: 5,33 tỷ đồng (+13,55%).
- b) *Nợ phải trả dài hạn*: 69,77 tỷ đồng, chiếm 14,21 tổng nguồn vốn, Nợ phải trả dài hạn năm 2020 thấp hơn năm 2019: 1, 13 tỷ đồng (-1,59%), trong đó nợ vay dài hạn là 34,5 tỷ đồng (nợ vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Vĩnh Long).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm cuối năm theo quy định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm làm thay đổi và nâng cao hình ảnh, uy tín công ty đối với khách hàng, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công nhân lao động, hướng đến mục tiêu phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Đề phục vụ khách hàng được tốt hơn, việc tiếp nhận các hồ sơ của khách hàng cũng như giải đáp thắc mắc, khiếu nại được thực hiện tại một điểm (Phòng Kinh doanh), từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi có kết quả giải quyết Công ty đã triển khai thực hiện mô hình “Chăm sóc khách hàng” với mục đích xây dựng mô hình chăm sóc khách hàng theo cơ chế “Một cửa”.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành một số quy chế quản lý và quy trình thực hiện công việc nhằm giải quyết tình trạng ách tắc giữa các phòng ban, bộ phận còn tồn tại trong năm 2020.

Khâu dịch vụ khách hàng cũng đã được cải tiến đáng kể thông qua việc liên kết với nhiều ngân hàng, mở thêm các dịch vụ tiện ích thanh toán tiền nước, các dịch vụ thu hộ tiền nước..., giúp khách hàng có thể chọn lựa kênh thanh toán, hình thức thanh toán tiền nước phù hợp hơn với điều kiện sống của gia đình, giảm thiểu việc đi lại, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí đối với khách hàng.

Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin địa lý xây dựng hoàn thiện phần mềm GIS để ứng dụng vào công tác quản lý mạng, đến nay công tác chuẩn bị đã hoàn tất và đưa vào sử dụng trong thời gian tới.

Xây dựng phòng Scada để ứng dụng vào công tác điều hành, quản lý; ứng dụng mô hình hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào quản lý mạng lưới cấp nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2020, Công ty định hướng kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

4.1 Mục tiêu nhiệm vụ năm 2021

Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.

Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.

Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Phấn đấu đạt chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.

Tỷ lệ thất thoát nước: 19,50%.

Từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước, nâng cao hiệu suất công tác ghi đọc chỉ số và từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống tinh thần của người lao động.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

Đảm bảo cấp nước an toàn; đầu tư xây dựng các chương trình chống hạn, mặn do biến đổi khí hậu.

4.2 Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m3	17.182.407	18.100.000	105,34%
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	20,50	19,50	95,12%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	184.284	192.175	104,28%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	63.922	67.662	105,85%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	62.025	62.326	100,49%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	16.592	17.386	104,79%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	21,46%	21,57%	100,49%
8	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%

4.3 Biện pháp thực hiện

a) Về quản lý sản xuất:

Quản lý vận hành tốt các nhà máy sản xuất: Thực hiện có hiệu quả công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật Tài nguyên nước.

Quản lý chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

b) Về quản lý doanh thu và chi phí:

Phối hợp với các địa phương để mở rộng vùng phục vụ cấp nước, đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng nước, tăng cường quản lý khách hàng tiềm năng.

Hạch toán bảo đảm tính đúng, tính đủ các khoản chi phí sản xuất và tiêu thụ vào giá thành nước sạch hợp lý bao gồm cả chi phí đầu nối hộ khách hàng theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, chi phí duy trì đầu nối, lãi vay, chi phí thực hiện cấp nước an toàn...

Thực hiện tốt công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng tiêu thụ; thực hiện quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

c) Về tiết kiệm chi phí thông qua việc phòng chống thất thoát nước

Tích cực thực hiện công tác phòng, chống thất thoát, thất thu nước sạch bằng các biện pháp cụ thể như:

Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: Đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đầu vào, kiểm định định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.

Khai thác, sử dụng tối đa phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc bảo vệ tài sản mạng đường ống cấp nước và phòng chống thất thoát nước đảm bảo không vượt tỷ lệ % kế hoạch.

Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

d) Các biện pháp khác

Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

Chống lãng phí về thời gian lao động: xây dựng định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng, Ban, Đội để giảm chi phí và tăng thu nhập.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ; tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán chi phí cho các Chi nhánh, Xí nghiệp, Nhà máy.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Nhiệm vụ cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của Công ty. Với sự nỗ lực của tập thể, năm 2020 Công ty đã hoàn thành kế hoạch cấp nước, góp phần ổn định, và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2020 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng nước cung cấp và doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn;

Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty;

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực đã phân vùng tách mạng; tăng cường công tác dò tìm và sửa chữa ống bể... Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Trong công tác tài chính, Công ty đã cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Hoàn thành chỉ tiêu hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Trong năm 2020, Công ty gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tình trạng xâm nhập mặn trên địa bàn quản lý diễn ra rất phức tạp khó lường, nhưng Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý đồng thời hỗ trợ nước sạch cho các địa phương lân cận bị hạn mặn;

Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban điều hành;

Thành viên Ban giám đốc am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt về nội bộ, nhất là với cổ đông lớn;

Ban Tổng giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả

hơn. Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặt biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động xây lắp và sản xuất nước sạch, nước đóng chai... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.

Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước

Tăng cường công tác chống thất thoát nước

Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tiếp tục hoàn thiện lộ trình thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt

Tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.

Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	186.800	0,65%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	11.791.200	40,80%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	57.400	0,20%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	2.947.800	10,20%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,06%
4	Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng	1.445.000	5,00%
6	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần đầu tư Đà Nẵng-Miền Trung	9.725.962	33,65%
7	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên HĐQT		-	-

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Ông Đặng Tấn Chiến: Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân.

Ông Nguyễn Tấn Phát: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít.

Ông Huỳnh Văn Nhân: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân.

Ông Đặng Thanh Bình: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

Ông Trần Ngọc Thành Nhơn: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm 1 người phụ trách quản trị công ty theo quy định đối với công ty đại chúng.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2	02/NQ-HĐQT	01/06/2020	Trả cổ tức năm 2019
3	03/NQ-HĐQT	17/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
4	04/NQ-HĐQT	25/12/2020	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhân sự năm 2021
5	69/QĐ-HĐQT	14/08/2020	Nghĩ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Phó Tổng Giám đốc Trần Văn Bản
6	Các Quyết định quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Chủ tịch HĐQT-Người đại diện theo pháp luật gồm: Lĩnh vực đầu tư XD CB, thi đua khen thưởng và quản lý khác của doanh nghiệp.		

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách thành viên HĐQT tham gia khóa đào tạo về quản trị trong năm 2020: không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Ông Đặng Tấn Chiến – Chủ tịch HĐQT : Chứng chỉ CEO

Ông Nguyễn Tấn Phát – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ CEO

Bà Bùi Thiện Ngọc Minh – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ CFO

Bà Lê Thị Quyển – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ CHRO

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lương Minh Triết	Trưởng Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.000	0,052%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	6.600	0,023%
3	Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	3.000	0,010%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020, thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm 2020 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát: Kể từ sau Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đến nay, Ban Kiểm soát đã tổ chức 6 phiên họp để trao đổi các công việc của Ban và đồng thời tổ chức kiểm tra, ghi nhận kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty. Các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát như sau :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lương Minh Triết	6/6	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	6/6	100%	100%	
3	Bà Trần Thị Huỳnh Mai	4/6	66,67%	100%	Bệnh, nghỉ phép dài hạn

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

STT	Chỉ tiêu	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị		324.000.000	-	-	
	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Lê Thị Quyến	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Đặng Thanh Bình	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên	54.000.000	-	-	Xin miễn nhiệm từ 01/01/2021
2	Người quản lý, điều hành công ty (Chủ tịch HĐQT, TGD, PTGD, KTT)		-	2.169.600.000	271.200.000	
	<i>Trong đó: Tổng giám đốc</i>	<i>Đồng</i>		<i>504.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	
3	Ban kiểm soát	Đồng	63.000.000	460.800.000	57.600.000	
	TỔNG CỘNG		387.000.000	2.630.400.000	328.800.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Bên chuyển quyền sở hữu	Bên nhận quyền sở hữu	Số lượng cổ phiếu giao dịch	Ngày giao dịch
1	Công ty TNHH Thiết bị và Hóa chất Quốc Tế	Công ty cổ phần Đà Nẵng Miền Trung	750.000	10/07/2020

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Diễn giải
1	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long (MEWACO)	Mua nước sạch	7.826.069.160	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Huỳnh Văn Nhân: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long; - Ông Nguyễn Tấn Phát: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức TV.HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long;

				- Ông Lương Minh Triết: Trưởng BKS Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Trưởng BKS Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long.
--	--	--	--	--

d) *Đánh giá vi phạm thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên:

- Lưu:

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**



ĐANG TÂN CHIẾN

Chủ tịch Hội đồng quản trị